TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày 16-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Lịch

Ông Trần Văn Phong.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- *Đại diện VKS nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà*: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án xét xử sơ thẩm số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn N, sinh năm 1959; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết); con bà Phạm Thị G, sinh năm 1924; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ: chị Phạm Thị N, sinh năm 1959; có 03 con, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1984.

Tiền án: Ngày 14/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc". Phạt tiền bổ sung 05 triệu đồng, đến ngày 04/5/2020 bị cáo chưa thi hành hình phạt bổ sung.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Phạm Văn Á, sinh năm 1984; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1963; bị cáo không xác định được mẹ đẻ; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: chị Phạm Thị M, sinh năm 1986; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 23/3/2018 bị Công an huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Phạm Xuân H, sinh năm 1976; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1950; con bà Phạm Thị L, sinh năm 1951; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 2; vợ: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Phạm Văn Q, sinh năm 1990; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1962; con bà Phạm Thị M, sinh năm 1966; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; vợ: chị Lò Thị H, sinh năm 1991; có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 01/3/2019 bị Công an huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Phạm Văn S, sinh năm 1998; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết); con bà Tạ Thị H, sinh năm 1977; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Xuân H, Phạm Văn Q và Phạm Văn S đều có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 04/5/2020 các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Q, Phạm Văn Á và Phạm Xuân H đang ngồi đánh bạc ăn tiền tại nhà bị cáo Phạm Văn N; cư trú tại Thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định thì bị Công an huyện Nam Trực phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- Thu trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài;

- Thu giữ trên chiếu trước mặt bị cáo Á số tiền 360.000 đồng, thu trong túi quần trái đằng trước của bị cáo số tiền 1.000.000 đồng;

- Thu giữ trên chiếu trước mặt bị cáo Q số tiền 1.850.000 đồng, thu trong túi quần sau bên trái số tiền 1.000.000 đồng và thu giữ đằng sau ốp điện thoại của bị cáo số tiền 500.000 đồng;

- Thu giữ trên chiếu trước mặt bị cáo N số tiền 410.000 đồng, thu trong ví trên chiếu trước mặt bị cáo số tiền 500.000 đồng;

- Thu giữ trên chiếu trước mặt bị cáo H số tiền 140.000 đồng, thu trong ví trên chiếu trước mặt bị cáo số tiền 510.000 đồng;

- Thu giữ dưới chiếu giữa vị trí ngồi của bị cáo Á và H số tiền 50.000 đồng;

Quá trình điều tra các bị cáo khai: Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày (04/5/2020) bị cáo N đang ở nhà thì lần lượt có các bị cáo S, Á và H đến ngồi chơi uống nước. Sau đó N, H, Á, S rủ nhau chơi đánh liêng ăn tiền. N đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ về rồi 04 bị cáo ngồi chơi đánh liêng tại gian phòng khách nhà N. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị cáo Phạm Văn Q đến cùng tham gia chơi đánh liêng, 05 người chơi được vài ván thì S hết tiền không chơi nữa, ngồi xem các đối tượng chơi. Lúc này có anh Phạm Văn T, sinh năm 1981 (là con trai của bị cáo N) từ trong buồng ra ngồi xem mọi người chơi, sau đó bị lực lượng Công an huyện Nam trực phát hiện bắt quả tang, lập biên bản thu giữ vật chứng như trên.

Cơ quan điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: Phạm Văn Á 1.360.000 đồng, Phạm Văn Q 2.850.000 đồng, Phạm Văn N 910.000 đồng, Phạm Xuân H 650.000 đồng, số tiền 50.000 đồng thu dưới chiếu giữa H và Á là số tiền các bị cáo tự thỏa thuận bỏ ra để trả cho N. Số tiền 500.000 đồng thu giữ đằng sau ốp điện thoại của Q không sử dụng mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền thu trên chiếu bạc và trong người các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 5.820.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 47/CT-VKS, ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Xuân H, Phạm Văn Q và Phạm Văn S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Xuân H, Phạm Văn Q và Phạm Văn S phạm phạm tội "Đánh bạc".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù;

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Xuân H và bị cáo Phạm Văn S mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án;

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn Á từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

- Bị cáo Phạm Văn Q từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ

5. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo lao động tự do, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

6. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tuyên tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 5.820.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q số tiền 500.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

7. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo N, Á, H, Q và S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo N nhận thức rõ hành vi của mình là sai, thành khẩn khai báo, tuổi đã cao, trực tiếp chăm sóc mẹ già, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Á, H, Q và S đều nhận thức rõ hành vi của mình là sai, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang ngày 04 tháng 5 năm 2020, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 04/5/2020 tại nhà bị cáo Phạm Văn N ở thôn R, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định, lực lượng Công an huyện Nam Trực đã phát hiện, bắt quả tang các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Xuân H, Phạm Văn Q và Phạm Văn S đánh bạc ăn tiền trái phép, bằng hình thức chơi liêng với tổng số tiền dùng đánh bạc là 5.820.000 đồng (năm triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn). Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương là nguyên nhân phát sinh hàng loạt các loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm. Đối với bị cáo N đã bị kết án về tội "Đánh bạc", nhưng không lấy đó làm bài học, để khắc phục, sửa chữa, tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Hành vi của các bị cáo là thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền đại phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Các bị cáo Á, H, Q và S đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo N đã bị kết án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm" nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo Á, H, Q và S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Xét vai trò: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phạm Văn N là chủ nhà và là người chuẩn bị công cụ phạm tội nên giữ vai trò chính, còn các bị cáo Phạm Văn Á, Phạm Văn Q, Phạm Xuân H và Phạm Văn S giữ vai trò đồng phạm trong vụ án.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Phạm Văn N mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp tái phạm và là người chuẩn bị công cụ, cùng các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, giữ vai trò chính trọng vụ án, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và dăn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Xuân H và Phạm Văn S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Đối với các bị cáo Phạm Văn Á, Phạm Văn Q đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nhưng đến thời điểm phạm tội lần này đã chấp hành xong Quyết định xử phạt hành chính, luôn chấp hành tốt đường lối chính sách pháp luật, nội quy, quy chế của địa phương, đủ thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính theo Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, nên xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Các bị cáo đều lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Văn Q, Phạm Xuân H, Phạm Văn S là phù hợp. Tuy nhiên, đối với bị cáo N là người cao tuổi, trực tiếp chăm sóc mẹ liệt sỹ 96 tuổi, do vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo dước mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với Phạm Văn T ngồi xem các bị cáo đánh bạc ăn tiền nên Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Thành là đúng.

[9] Xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ tú lơ khơ màu xanh gồm 52 quân bài là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 5.820.000 đồng thu giữ của các bị cáo (trong đó thu của các bị cáo: Á 1.360.000 đồng, Q 2.850.000 đồng, N 910.000 đồng, H là 650.000 đồng và dưới chiếu bạc 50.000 đồng) dùng vào việc đánh bạc ăn tiền trái phép cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 500.000 đồng thu trong ốp điện thoại của bị cáo Phạm Văn Q xác định là tiền riêng của bị cáo không dùng vào mục đích đánh bạc, nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Văn Q, Phạm Xuân H và Phạm Văn S phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến 13/5/2020);

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Xuân H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến 13/5/2020);

- Bị cáo Phạm Văn S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến 13/5/2020);

Giao các bị cáo Phạm Xuân H và Phạm Văn S cho Uỷ ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn Á 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ đi 27 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày trước khi xét xử sơ thẩm quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Á còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Á.

- Bị cáo Phạm Văn Q 21 (hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ đi 27 ngày (bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày trước khi xét xử sơ thẩm quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Quyền còn phải chấp hành 20 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Q.

Giao các bị cáo Phạm Văn Á và Phạm Văn Q cho UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

5. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 5.820.000 đồng (năm triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng);

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng và Ủy nhiệm chi ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa Công an huyện Nam Trực với Chi cục thi hành án huyện Nam Trực.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Văn Q, Phạm Xuân H và Phạm Văn S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn Á, Phạm Văn Q, Phạm Xuân H và Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ + VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh